

Bản án số: **228/2025/DS-ST**

Ngày: 18-12-2025

V/v Tranh chấp hợp

đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Ngọc Điệp

Bà Nguyễn Thị Nữ

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Viết Xuân Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành Phố Hồ Chí Minh: không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 478/2025/TLST-DS ngày 23/10/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2025/QĐXXST-DS ngày 01/12/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T1 (Việt Nam); trụ sở chính: Số I đường P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Bá L, sinh năm 2002; địa chỉ liên hệ: Số B đường L, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Hồ Sa T, sinh năm 1988; địa chỉ: Số D, tổ E, khu phố T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 21/7/2025 và quá trình giải quyết nguyên đơn Công ty T1 (Việt Nam) trình bày:**

Ngày 07/5/2024, Công ty T1 (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là "Công ty T1") ký Hợp đồng tín dụng số: 5489983 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng tín dụng”) về việc cấp tín dụng cho bà Hồ Sa T với khoản vay trị giá 32.310.000 đồng (Ba mươi hai triệu ba trăm mười nghìn đồng) trong đó bao gồm: 30.000.000 đồng tiền vay và 2.310.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay. Mục đích vay để Mua hàng; hình

thức vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm. Lãi suất vay: 52%/năm. Thời hạn vay là 36 tháng tính từ ngày 05/6/2024 đến ngày 05/5/2027.

Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5489983 giữa Công ty T1 và bà Hồ Sa T là hợp đồng được giao kết thông qua hình thức ký kết hợp đồng điện tử. Hợp đồng điện tử này được các bên giao kết thông qua việc bà Hồ Sa T đồng ý các điều khoản quy định trên hợp đồng và xác nhận ký hợp đồng bằng cách nhập mã OTP được gửi từ hệ thống qua SMS hoặc email. Sau khi kiểm tra OTP hợp lệ, Công ty TNHH H (là đơn vị đã đăng ký Hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử theo quy định pháp luật Việt Nam) sẽ khởi tạo chữ ký số, thực hiện ký hợp đồng điện tử và lưu trữ hợp đồng điện tử, thông tin khoản vay. Khi đó, phía Công ty TNHH H cũng sẽ tự động khởi tạo chữ ký số và thực hiện ký hợp đồng điện tử cho Công ty T1.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, ngày 08/5/2024 Công ty T1 đã tiến hành giải ngân toàn bộ số tiền vay cho bà Hồ Sa T theo đúng quy định trong hợp đồng tín dụng, số tiền giải ngân được Công ty T1 chuyển khoản vào tài khoản do bà Hồ Sa T cung cấp tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5489983, cụ thể như sau:

- Tên tài khoản: HO SA TA. Số tài khoản: 0281001658816. Tại ngân hàng: N (VCB). Nội dung: M

Qua quá trình thực hiện hợp đồng, bà Hồ Sa T đã thanh toán được 03 kỳ với tổng số tiền: 10.823.030 đồng (Mười triệu tám trăm hai mươi ba nghìn không trăm ba mươi đồng). Trong đó bao gồm: 2.670.631 đồng tiền gốc; 8.092.399 đồng tiền lãi; 60.000 đồng tiền phí thu hộ (lịch sử thanh toán cụ thể được thể hiện tại “Báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng” đính kèm theo đơn khởi kiện này). Tuy nhiên từ ngày 11/12/2024, bà Hồ Sa T đã không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T1 đã giải ngân, không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình, để khoản vay quá hạn.

Công ty T1 đã tiến hành liên hệ qua điện thoại đề nghị bà Hồ Sa T thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng, nhưng bà Hồ Sa T vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty T1.

Vì lẽ đó, Công ty T1 cho rằng bà Hồ Sa T đã không thanh toán đúng hạn theo quy định của Hợp đồng tín dụng đã ký kết đồng thời vi phạm nghĩa vụ của mình đối với Công ty T1.

Tính đến ngày 10/11/2025, bà Hồ Sa T đã không thanh toán, trễ hạn các khoản tiền như sau:

- Số nợ gốc còn lại chưa thanh toán (số tiền đã vay - số tiền gốc đã trả): 29.639.369 đồng.

- Số tiền lãi phải thu (lãi phát sinh trong hạn): (Tổng số tiền chưa trả mỗi kỳ - Tổng số tiền gốc chưa trả mỗi kỳ): 13.723.180 đồng.

- Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn (lãi phạt gốc): $(150\% \times \text{lãi suất năm} \times \text{số tiền gốc phải trả mỗi kỳ} \times \text{số ngày trễ hạn} / 365 \text{ ngày})$: 2.617.934 đồng.

- Số tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán (lãi chậm trả): $(10\% \times \text{số tiền lãi phải thanh toán mỗi kỳ} \times \text{số ngày trễ hạn} / 365 \text{ ngày})$: 680.508 đồng.

Công ty T1 yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc bà Hồ Sa T thanh toán cho Công ty T1 (Việt Nam) toàn bộ khoản vay tính đến ngày 10/11/2025 là:

- Số tiền gốc chưa thanh toán: 29.639.369 đồng.

- Số tiền lãi phát sinh trong hạn: 13.723.180 đồng.

- Số tiền lãi quá hạn: 2.617.934 đồng.

- Số tiền lãi chậm trả: 680.508 đồng.

Tổng cộng số tiền: 46.660.991 đồng (bốn mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi nghìn chín trăm chín mươi một đồng).

2. Buộc bà Hồ Sa T thanh toán lãi, phí phát sinh từ ngày 11/11/2025 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán khoản vay nói trên.

*** Bị đơn bà Hồ Sa T trình bày:** Bà Hồ Sa T có vay của bên Công ty T1 với tổng số tiền 32.310.000 đồng từ ngày 07/5/2024, nhưng sau khi đóng được 06 tháng do bà Hồ Sa T bị gặp khó khăn về tiền bạc nên không thể tiếp tục đóng. Nay bà Hồ Sa T xin được xem xét hoàn trả lại số tiền nợ gốc còn thiếu và xin không trả phần tiền lãi, và xin trả dần vì không thể trả hết một lần do hoàn cảnh hiện nay khó khăn. Ngoài ra bà Hồ Sa T không khai gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty T1 (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp Hợp đồng tín dụng đối với bị đơn – bà Hồ Sa T, bị đơn có nơi cư trú tại phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm 1 khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và Căn cứ Khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân nơi bị đơn cư trú là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt nên hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hợp đồng tín dụng: Giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5489983 ngày 03/5/2024 giữa Công ty T1 (Việt Nam) và bà Hồ Sa T là hợp đồng vay tín chấp. Xét thấy, hợp đồng tín dụng giữa các bên được xác lập thông qua phương tiện điện tử và được ký bằng chữ ký số gắn với chứng thư số do Công ty TNHH F chứng nhận (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng chứng thư số FPT CA).

Căn cứ theo quy định tại các Điều 6, Điều 8, Điều 22 và Điều 23 Luật Giao dịch điện tử năm 2023, thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì được thể hiện dưới dạng điện tử; chữ ký số đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật có giá trị pháp lý như chữ ký tay; chứng thư điện tử do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số hợp pháp phát hành là căn cứ xác thực chủ thể ký và bảo đảm giá trị pháp lý của giao dịch điện tử.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định việc các bên ký kết hợp đồng tín dụng bằng chữ ký số gắn với chứng thư điện tử do FPT phát hành là phù hợp với quy định của Luật Giao dịch điện tử năm 2023, thể hiện ý chí tự nguyện của các bên khi giao kết hợp đồng, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả nợ gốc với số tiền 29.639.369 đồng:

Căn cứ giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5489983 ngày 07/5/2024 cho thấy, bà Hồ Sa T có vay của Công ty T1 (Việt Nam) số tiền 32.310.000 đồng (bao gồm: 30.000.000 đồng tiền vay và 2.310.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay); Mục đích vay để: Mua hàng. Thời hạn vay là 36 tháng tính từ ngày 05/6/2024 đến ngày 05/5/2027. Sau khi ký kết hợp đồng, bà Hồ Sa T đã nhận đủ số tiền vay thông qua tài khoản ngân hàng:

- Tên tài khoản: HO SA TA. Số tài khoản: 0281001658816. Tại ngân hàng: N (VCB). Nội dung: M HD 5489983

Căn cứ tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Tại khoản 3.6 mục 3 phần B của Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng thì các bên thỏa thuận như sau: Hàng tháng bà Hồ Sa T nghĩa vụ trả số tiền theo quy định thanh toán của Công ty T1, trong kỳ hạn 36 tháng, kể từ ngày 05/6/2024 đến ngày 05/5/2027.

Theo lịch sử thanh toán thì tính đến ngày 10/11/2025, bà Hồ Sa T đã thanh toán cho Công ty T1 được với số tiền là 10.823.030 đồng (bao gồm: 2.670.631 đồng tiền gốc; 8.092.399 đồng tiền lãi; 60.000 đồng tiền phí thu hộ), sau đó thì ngưng không thanh toán kể từ ngày 11/12/2024 đến nay. Mặc dù chưa hết thời hạn trả nợ theo Hợp đồng tín dụng, tuy nhiên việc bà Hồ Sa T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền gốc của mỗi kỳ thanh toán và tính đến ngày 10/11/2025, bà Hồ Sa T còn nợ Công ty T1 số tiền nợ gốc là 29.639.369 đồng là vi phạm thỏa thuận tại hợp đồng mà các bên đã ký kết. Vì vậy, Hội đồng xét xử

có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả nợ gốc với số tiền 29.639.369 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tiền lãi:

Tại Mục 3.7 và 3.8 Điều 1 của Khoản 3 Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5489983 ngày 07/5/2024 thì các bên thỏa thuận: Lãi suất trong hạn là 58%/năm, lãi suất quá hạn là mức lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Dân sự, do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ.

Tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi tạm tính đến ngày 10/11/2025 là 17.021.622 đồng, trong đó bao gồm lãi trong hạn là 13.723.180 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.617.934 đồng, tiền lãi chậm trả 680.508 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn tiếp tục trả tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành kể từ ngày 11/11/2025 cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5489983 ngày 07/5/2024.

[3] Từ những chứng cứ tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời thừa nhận của bị đơn bà Hồ Sa T, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1 (Việt Nam) đối với bị đơn bà Hồ Sa T.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn không phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 94, Điều 95 và Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 6, Điều 8, Điều 22 và Điều 23 Luật Giao dịch điện tử năm 2023

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1 (Việt Nam) đối với bị đơn bà Hồ Sa T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

Buộc bị đơn bà Hồ Sa T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Công ty T1 (Việt Nam) số tiền tạm tính đến ngày 10/11/2025 là 46.660.991 đồng (bốn mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi nghìn chín trăm chín mươi một đồng), trong đó:

- Số tiền gốc chưa thanh toán: 29.639.369 đồng (hai mươi chín triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi chín đồng).

- Số tiền lãi phát sinh trong hạn: 13.723.180 đồng (mười ba triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn một trăm tám mươi đồng).

- Số tiền lãi quá hạn: 2.617.934 đồng (hai triệu sáu trăm mười bảy nghìn chín trăm ba mươi bốn đồng).

- Số tiền lãi chậm trả: 680.508 đồng (sáu trăm tám mươi nghìn năm trăm lẻ tám đồng).

Kể từ ngày 11/11/2025, bà Hồ Sa T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền phí, tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Công ty T1 (Việt Nam) theo giấy Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 5489983 ngày 07/5/2024.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Hồ Sa T phải nộp 2.333.050 đồng (hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn không trăm năm mươi đồng) án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải nộp án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn – Công ty T1 (Việt Nam) số tiền 946.000 đồng (chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai số 0027849 ngày 17/10/2025 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Các đương sự thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND Khu vực 15 Thành phố HCM
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh
(Phòng THADS Khu vực 15 Thành phố HCM)
- Đương sự;
- Lưu: HS, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong